TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 238 /2023/DS-PT Ngày 20 - 4 - 2023 V/v tranh chấp "Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Trung.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Vân.

Ông Nguyễn Thanh Triều.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 20 tháng 4 N 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 483/2022/TLPT-DS ngày 19/12/2022 về việc tranh chấp "Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 186/2022/DS-ST ngày 16/9/2022 của Toà án nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 109/2023/QĐ-PT ngày 10/02/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Lý Văn L, sinh N 1947 (có mặt).

2. Bà Võ Thị T (Đậm), sinh N 1959 (có mặt).

3. Anh Lý Quốc H, sinh N 1983 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp MC B, xã MH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*:

1. Ông Lê Văn N, sinh N 1943.

Địa chỉ: ấp MC B, xã MH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Lê Văn N: Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1997 (có mặt).

Địa chỉ: ấp MC B, xã MH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Đoàn Thị M, sinh năm 1947 (có mặt).

Địa chỉ: ấp MC B, xã MH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Lê Thị Th, sinh năm 1984 (xin vắng mặt).
2. Chị Lê Thị Hi, sinh năm 1988 (xin vắng mặt).
3. Chị Lê Thị Đ1, sinh năm 1990 (xin vắng mặt).
4. Chị Lê Thị Kim C, sinh năm 1994 (xin vắng mặt).
5. Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1997 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp MC B, xã MH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

6. Chị Phạm Thị Ngọc H2, sinh năm 1987 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: số 23, tổ 2, ấp MC B, xã MH, huyện CB, Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Lê Văn N, Đoàn Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Lý Văn L, bà Võ Thị T và anh Lý Quốc H thống nhất trình bày:

Hộ gia đình ông có thửa đất số 91, diện tích 6.511m^2 (nay là thửa số 256, diện tích 6.289m^2 do anh Lý Quốc H đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng đất). Liền kề phía trước phần đất của hộ gia đình ông là thửa đất số 92, diện tích 1.483m^2 và thửa đất số 93, diện tích 5.058m^2 do ông Lê Văn N đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng đất. Do phần đất của hộ gia đình ông nằm phía trong không có lối đi để vận chuyển lúa nên khoảng năm 2001 gia đình ông và gia đình ông N có trao đổi đất với nhau, có lập giấy cam kết. Phần đất ông N đổi cho ông chiều ngang 03m, từ dưới sông chạy thẳng đến gốc ruộng của ông L (nay anh H đứng tên), phần đất ông đổi cho ông N có chiều ngang đầu bờ kênh là 05m, đầu phía giáp đất bà Tư Sang là 4,5m, có chiều dài 76, phần đất nay gia đình hai bên thống nhất trao đổi vĩnh viễn và gia đình hai bên đã sử dụng ổn định phần đất đổi này từ đó đến nay.

Khi thực hiện chương trình dự án Vlap, gia đình ông chỉ ranh phần đất mà ông đổi cho ông N nên phần đất này đã nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông N, còn phần đất mà gia đình ông N đổi cho gia đình ông vẫn còn nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N. Thời gian gần đây, hộ gia đình ông N đã nhổ trụ đá và rào chắn lại phần đất đã đổi cho gia đình ông làm ảnh hưởng đến việc canh tác, sản xuất và vận chuyển lúa của gia đình ông.

Nay ông yêu cầu hộ gia đình ông N tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất, yêu cầu ông N và hộ gia đình ông N chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện quyền sử dụng đất của gia đình ông.

* Bị đơn ông Lê Văn N đã được Tòa án nhân dân huyện CB tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, nhưng ông N không

có văn bản gửi Tòa án thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông L, bà T và anh H.

* Bị đơn bà Đoàn Thị M trình bày:

Bà thống nhất là có sự trao đổi đất giữa hai bên gia đình như ông L trình bày, nhưng hiện nay chưa ai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay bà không đổi nữa, bà lấy đất lại để xây nhà cho con bà ở.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn Đ trình bày:

Anh thống nhất với trình bày của mẹ anh - bà Đoàn Thị M.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 186/2022/DS-ST ngày 16/9/2022 của Toà án nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang, đã căn cứ vào Điều 699, 703, 704 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 166, 167 Luật Đất đai năm 2013; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn L, bà Võ Thị T và anh Lý Quốc H.

Buộc ông Lê Văn N và bà Đoàn Thị M có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất cho ông Lý Văn L, bà Võ Thị T và anh Lý Quốc H đối với phần đất thực đo là 174,3m^2 nằm trong thửa đất số 47, tọa lạc tại ấp MC B, xã MH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang (được ký hiệu T2, T5, T8 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 10/11/2022) (Có sơ đồ kèm theo).

Ông Lý Văn L, bà Võ Thị T, anh Lý Quốc H được quyền đăng ký đất đai đối với phần đất ông N, bà M chuyển đổi theo quy định tại Điều 95 Luật đất đai.

Buộc ông N, bà M chấm dứt hành vi cản trở ông Lý Văn L, bà Võ Thị T, anh Lý Quốc H thực hiện quyền sử dụng đất mà ông N, bà M đã đổi cho ông Lý Văn L, bà Võ Thị T, anh Lý Quốc H.

2. Về án phí:

Ông Lê Văn N, bà Đoàn Thị M là người cao tuổi, nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định.

Ông Lý Văn L, bà Võ Thị T, anh Lý Quốc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Lý Văn L, bà Võ Thị T, anh Lý Quốc H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004634 ngày 05/01/2021 của C cục Thi hành án dân sự huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 29/9/2022, ông Lê Văn N và bà Đoàn Thị M có đơn kháng cáo yêu cầu: Sửa 01 phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, bà T, anh H về việc yêu cầu ông bà tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất cho ông L, bà T, anh H đối với phần đất thực đo là 174,3m^2 nằm trong thửa đất số 47 tọa lạc tại ấp MC B, xã MH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày:

- Anh Lê Văn Đ – đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn N và bà Đoàn Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Ông Lý Văn L, bà Võ Thị T, anh Lý Quốc H không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn N và bà Đoàn Thị M, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Hiện trạng trên phần đất ông N, bà M đổi cho hộ ông L thì ông N, bà M xây tường rào, làm hàng rào và trồng 30 cây mít; do đó cần buộc ông N, bà M tháo dỡ hàng rào, tường rào. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn tự nguyện hoàn trả cho bị đơn giá trị cây trồng có trên phần đất tranh chấp theo Biên bản định giá của Tòa án cấp sơ thẩm. Ông Lê Văn N và bà Đoàn Thị M kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N, bà M; sửa bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn hoàn trả giá trị cây trồng trên đất tranh chấp, buộc bị đơn tháo dỡ hàng rào, tường rào, chấm dứt hành vi cản trở nguyên đơn thực hiện quyền sử dụng đất.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Th, chị Lê Thị Hi, chị Lê Thị Đ1, chị Lê Thị Kim C, chị Phạm Thị Ngọc H2 vắng mặt, nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn N và bà Đoàn Thị M; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Đối với giao dịch chuyển đổi quyền sử dụng đất:

Các đương sự thống nhất xác định: Năm 2001 giữa hộ gia đình ông Lý Văn L và hộ gia đình ông Lê Văn N có thỏa thuận chuyển đổi quyền sử dụng đất với nhau, có lập thành văn bản viết tay là Giấy "Cam kết trao đổi đất" (Bút lục 80), có chữ ký của ông L, bà T (Đậm), anh Việt, anh H, ông N, bà M, anh Bình, anh Đ. Nội dung của Giấy "Cam kết trao đổi đất" thể hiện: "*Phần đất ông N đổi cho ông L diện tích ngang 3m từ dưới sông lên thẳng đến góc ruộng của ông L; phần đất của ông L đổi cho ông N diện tích ở đầu bờ kinh ngang năm mét chẵn, đầu phía giáp bà Tư Sang ngang bốn mét rưỡi, dài 76m; phần đất này đã thống nhất của 2 hộ gia đình thống nhất trao đổi vĩnh viễn không thời hạn và có cắm trụ đã làm ranh giới. 2 bên hộ gia đình được quyền sử dụng và canh tác không ai được quyền ngăn cản*". Các bên đương sự cũng thống nhất xác định mục đích sử dụng đối với phần đất hộ ông N, bà M đổi cho hộ ông L, bà T, anh H để hộ ông L sử dụng làm lối đi ra đường công cộng; hai bên sử dụng đất đúng mục đích từ sau khi đổi cho đến khi phát sinh tranh chấp và phần đất hộ ông L đổi cho ông N, bà M thì hiện nay hộ ông N đã được cấp quyền sử dụng đất theo dự án Vlap.

Xét thấy: Giao dịch chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa ông L, bà T (Đậm), anh Việt, anh H với ông N, bà M, anh Đ, anh Bình là trên cơ sở tự nguyện, xuất phát từ nhu cầu sử dụng đất của các bên; mặc dù các bên chỉ làm văn bản viết tay không được công chứng chứng thực và không có đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền, nhưng các bên đương sự thống nhất thừa nhận đã giao đất đổi cho nhau và sử dụng ổn định, liên tục từ năm 2001 cho đến khi phát sinh tranh chấp. Đồng thời sau khi đổi đất, ông N và bà M đã đăng ký, kê khai và được cấp quyền sử dụng đất phần đất đổi với hộ ông L; phần đất của ông N và bà M đổi cho hộ ông L thì ông N và bà M chưa làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho hộ ông L được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M và anh Lê Văn Đ – đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn N yêu cầu hủy giao dịch chuyển đổi đất, đất của ai trả về người đó, với lý do: các thành viên khác trong hộ ông N không đồng ý việc chuyển đổi đất này, tại thời điểm ký "Cam kết trao đổi đất" vào năm 2001 thì anh Đ còn rất nhỏ, chưa thành niên. Xét thấy: Lý do yêu cầu hủy giao dịch chuyển đổi đất của bà M và anh Đ – đại diện theo ủy quyền của ông N là không có cơ sở để chấp nhận; bởi lẽ, tại phiên tòa phúc thẩm, anh Đ và bà M lại thừa nhận nguồn gốc đất cấp cho hộ ông N là do ông N và bà M nhận chuyển nhượng.

Bà M và anh Đ – đại diện theo ủy quyền của ông N kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh. Cho nên, nhằm không gây xáo trộn không cần thiết việc sử dụng đất của các bên đương sự, Hội đồng xét xử công nhận việc thỏa thuận chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa hộ ông N, bà M với hộ ông L, bà T và anh H, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N và bà M về việc hủy hợp đồng chuyển đổi đất với hộ ông L.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự thống nhất xác định vị trí phần đất ông N và bà M đổi cho hộ ông L như sau: phần đất ngang khoảng 3m giáp kênh vẫn thuộc quyền sử dụng của ông N và bà M được thể hiện theo sơ đồ đo đạc

có vị trí T1, T4, T7, rồi mới đến phần đất của ông N và bà M đổi cho hộ ông L có vị trí T2, T5, T8, đây là ý chí của ông N và bà M.

Hiện trạng trên phần đất đổi cho hộ ông L thì ông N và bà M đã rào lại hai đoạn tường rào và trồng 30 cây mít. Theo Biên bản thẩm định, định giá ngày 19/11/2021 thể hiện: giá trị hàng rào là 2.907.405 đồng; giá trị 30 cây mít loại B2 thành tiền 38.940.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên buộc hộ ông N, bà M tháo dỡ, di dời 02 đoạn hàng rào và không giải quyết đối với 30 cây mít trên đất tranh chấp là có thiếu sót, chưa đảm bảo thi hành án và không đảm bảo quyền lợi của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các nguyên đơn ông L, anh H và bà T xác nhận: Khi nộp đơn khởi kiện và quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, các nguyên đơn không có nộp đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm thay đổi hiện trạng đất tranh chấp và mở buộc mở lại lối đi trên đất tranh chấp; vì vậy bị đơn đã làm hàng rào và trồng 30 cây mít sau khi các nguyên đơn nộp đơn khởi kiện; đồng thời các nguyên đơn không có yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết buộc bị đơn tháo dỡ hàng rào và các cây trồng trên đất tranh chấp; nguyên đơn tự nguyện đồng ý bồi hoàn giá trị 30 cây mít cho bị đơn theo Biên bản định giá ngày 19/11/2021, yêu cầu buộc bị đơn tháo dỡ di dời hàng rào, tường rào và chấm dứt hành vi cản trở nguyên đơn thực hiện quyền sử dụng đất đã chuyển đổi để nguyên đơn sử dụng làm lối đi như đã thỏa thuận chuyển đổi đất từ năm 2001. Bị đơn bà M và anh Đ – đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông N thống nhất theo Biên bản thẩm định, định giá ngày 19/11/2021, không có ý kiến vì không đồng ý tiếp tục đổi đất, yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2.3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn N và bà Đoàn Thị M; sửa bản án sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện của các nguyên đơn đồng ý bồi hoàn cho bị đơn giá trị 30 cây mít loại B2 thành tiền 38.940.000 đồng, buộc bị đơn tháo dỡ 02 đoạn hàng rào, chấm dứt hành vi cản trở các nguyên đơn thực hiện quyền sử dụng đất sử dụng làm lối đi.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông L, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là :

38.940.000 đồng x 5% = 1.947.000 đồng.

Do ông L, bà T là người cao tuổi, nên căn cứ vào Điều 2 Luật Người cao tuổi và Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông L, bà T.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn N, bà Đoàn Thị M không được chấp nhận nên ông N, bà M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông N và bà M là người cao tuổi; nên căn cứ vào Điều 2 Luật Người cao tuổi và Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông N, bà M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 699, 701, 702, 703, 704 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 2 Nghị quyết số 45/2005/NQ-QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật dân sự; Điều 166, 167 Luật đất đai năm 2013; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn N và bà Đoàn Thị M.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 186/2022/DS-ST ngày 16/9/2022 của Toà án nH2 dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn L, bà Võ Thị T, anh Lý Quốc H.

Buộc ông Lê Văn N, bà Đoàn Thị M có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất cho ông Lý Văn L, bà Võ Thị T, anh Lý Quốc H đối với phần đất thực đo là 174,3m^2 nằm trong thửa đất số 47 tọa lạc tại ấp MC B, xã MH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang (được ký hiệu T2, T5, T8 theo xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 10/11/2021). (Có sơ đồ kèm theo).

Ông Lý Văn L, bà Võ Thị T, anh Lý Quốc H được quyền đăng ký đất đai đối với phần đất ông N, bà M chuyển đổi theo quy định tại Điều 95 Luật đất đai.

Buộc ông N, bà M tháo dỡ 02 đoạn hàng rào có kết cấu: bêtông đúc sẵn, tường gạch, lưới B40, chấm dứt hành vi cản trở ông Lý Văn L, bà Võ Thị T, anh Lý Quốc H thực hiện quyền sử dụng đất mà ông N, bà M đã đổi cho ông Lý Văn L, bà Võ Thị T, anh Lý Quốc H (*kèm theo Biên bản thẩm định, định giá ngày 19/11/2021*).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lý Văn L, bà Võ Thị T, anh Lý Quốc H đồng ý bồi hoàn cho ông Lê Văn N, bà Đoàn Thị M giá trị 30 cây mít loại B2 thành tiền 38.940.000 đồng (*kèm theo Biên bản thẩm định, định giá ngày 19/11/2021*).

Kể từ ngày ông Lê Văn N, bà Đoàn Thị M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lý Văn L, bà Võ Thị T, anh Lý Quốc H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

Buộc ông Lê Văn N, bà Đoàn Thị M giao 30 cây mít loại B2 trên phần đất thực đo là 174,3m^2 nằm trong thửa đất số 47 tọa lạc tại ấp MC B, xã MH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang cho ông Lý Văn L, bà Võ Thị T, anh Lý Quốc H theo Biên bản thẩm định, định giá ngày 19/11/2021.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn N, bà Đoàn Thị M là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định.

Ông Lý Văn L, bà Võ Thị T, anh Lý Quốc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Lý Văn L, bà Võ Thị T, anh Lý Quốc H 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004634 ngày 05/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lý Văn L, bà Võ Thị T đối với yêu cầu bồi thường giá trị cây trồng trên đất tranh chấp.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông Lê Văn N, bà Đoàn Thị M. Hoàn lại cho ông N, bà M số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010150 ngày 29/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CB.

3. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 20/4/2023, có mặt ông L, bà T, anh H, anh Đ và bà M.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện CB;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- CCTHADS huyện CB;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

DSPT-2023-H

Huỳnh Việt Trung